

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN ĐÌNH SÁNG

**TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ
CHẤT THẢI NGUY HẠI
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**
(trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)

Chuyên ngành : Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số : 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Văn Dũng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015.

Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bìa</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	9		
1.1. Chất thải nguy hại và quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại	9		
1.1.1. Khái niệm chất thải nguy hại	9		
1.1.2. Quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại	11		
1.2. Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trong Bộ luật hình sự Việt Nam	14		
1.2.1. Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay về các tội phạm môi trường nói chung và tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại nói riêng	14		
1.2.2. Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành	20		
1.2.3. Phân biệt tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại và phân biệt tội này với một số tội phạm gây ô nhiễm môi trường khác trong Bộ luật hình sự Việt Nam	34		
1.3. Kinh nghiệm lập pháp hình sự của một số quốc gia về tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại	39		
1.3.1. Kinh nghiệm của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)	39		
1.3.2. Kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức	41		
1.3.3. Kinh nghiệm của Liên bang Nga	45		
1.3.4. Kinh nghiệm của Cộng hòa Singapore	46		
Chương 2: THỰC TRẠNG VI PHẠM VÀ TÌNH HÌNH XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	48		
2.1. Một số đặc điểm về tình hình kinh tế, xã hội của Hà Nội có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường	48	2.1.2. Một số đặc điểm về tình hình kinh tế, xã hội của Hà Nội có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường và chất thải nguy hại	49
2.1.1. Một số đặc điểm về diện tích, dân số	48	2.2. Thực trạng vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hà Nội	52
		2.3. Thực tiễn xử lý hành vi vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hà Nội	56
		2.3.1. Thực tiễn xử lý vi phạm hành chính	56
		2.3.2. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử hành vi vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hà Nội và những vướng mắc, bất cập	63
		Chương 3: HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ ĐỐI VỚI TỘI PHẠM NÀY	69
		3.1. Sự cần thiết và định hướng hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại	69
		3.1.1. Sự cần thiết	69
		3.1.2. Những định hướng hoàn thiện	70
		3.2. Những nội dung cơ bản hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại	77
		3.2.1. Về khái niệm tội phạm	77
		3.2.2. Về dấu hiệu cấu thành tội phạm	78
		3.2.3. Về chủ thể của tội phạm	79
		3.2.4. Về các hình phạt áp dụng	81
		3.3. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự	83
		3.3.1. Về các biện pháp ngăn chặn	83
		3.3.2. Về yêu cầu đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng	84
		3.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử đối với tội này	85
		3.4.1. Kiện toàn tổ chức, tăng cường năng lực áp dụng pháp luật của các cơ quan quản lý môi trường và cơ quan tư pháp	85
		3.4.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức của cộng đồng trong việc thực hiện pháp luật quản lý chất thải nguy hại	87
		3.4.3. Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý chất thải nguy hại	88
		KẾT LUẬN	91
		DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	94

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Môi trường sống đang là vấn đề nóng của mọi quốc gia. Phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho người dân gắn với bảo vệ môi trường (BVMT) sống trong lành, không bị ô nhiễm là bài toán đặt ra cho mọi quốc gia, nhất là các quốc gia đang trong giai đoạn đẩy nhanh quá trình phát triển, trong đó có Việt Nam. Thực tế cho thấy, sự ô nhiễm, suy thoái và những sự cố môi trường diễn ra ở mức độ ngày càng nguy hiểm, đang đặt con người đối mặt với những thảm họa thiên nhiên tàn khốc như sự nóng dần lên của vỏ trái đất, thảm họa sóng thần, lỗ hồng tầng ôzôn, tình trạng ngập lụt, hạn hán v.v... Vì vậy, vấn đề BVMT đã trở nên vô cùng cấp thiết được các quốc gia và cộng đồng quốc tế đặc biệt quan tâm. Đặc biệt, Việt Nam là một trong năm quốc gia trên thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của sự nóng lên của vỏ trái đất và sự biến đổi khí hậu. Do vậy, vấn đề BVMT ở nước ta cần được đặc biệt quan tâm và được hành động một cách quyết liệt và cấp thiết hơn.

Những thảm họa thiên nhiên gần đây diễn ra ngày càng liên tục với mức tàn phá ngày càng cao. Để xảy ra những thảm họa này thì có rất nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân từ việc thải ra môi trường các chất thải nguy hại (CTNH).

Ở Việt Nam vấn đề BVMT chưa thực sự được quan tâm nên các vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (QLCTNH) ngày càng gia tăng với tính chất ngày một nghiêm trọng. Tuy nhiên khung pháp lý để quản lý và xử phạt các hành vi vi phạm quy định về QLCTNH chưa thực sự hoàn thiện.

Thành phố Hà Nội là thủ đô và là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của cả nước. Số lượng các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) ở Hà Nội nằm trong tốp dẫn đầu cả nước. Chính vì vậy, thực trạng vi phạm quy định về QLCTNH ở Hà Nội đang diễn biến ngày càng phức tạp. Hàng năm số vụ vi phạm quy định về QLCTNH bị phát hiện bình quân khoảng 50-60 vụ trên năm, với tính chất và mức độ nghiêm trọng.

Trước tình hình vi phạm về QLCTNH diễn ra ngày càng nghiêm trọng, năm 2009 Quốc hội nước ta đã sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999, cụ thể là quy định bổ sung nhiều tội phạm về môi trường.

Trong số những tội phạm về môi trường được quy định bổ sung có "tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại". Theo đó, "Người nào vi phạm quy định về QLCTNH gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác,...". Đây là công cụ pháp lý quan trọng nhằm răn đe và phòng ngừa hành vi vi phạm quy định về QLCTNH.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc xử lý đối với các hành vi vi phạm quy định về QLCTNH chưa thật sự đạt hiệu quả. Theo thống kê của các cơ quan chức năng, trên địa bàn Hà Nội trong giai đoạn 2010 - 2014, các cơ quan chức năng chưa khởi tố được một vụ vi phạm quy định về QLCTNH nào, mặc dù tình trạng vi phạm luôn có dấu hiệu gia tăng. Nguyên nhân của tình trạng này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, một trong những nguyên nhân quan trọng là sự chưa hoàn thiện và đồng bộ của hệ thống pháp luật, trong đó có luật xử lý vi phạm hành chính và các quy định của BLHS về QLCTNH.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu hoàn thiện các quy định của BLHS về tội vi phạm quy định về QLCTNH và nâng cao hiệu quả xử lý đối với tội phạm này đang là vấn đề mang tính cấp thiết hiện nay, đặc biệt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Từ những sự phân tích trên, tác giả chọn đề tài "***Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trong luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)***" làm đề tài luận văn tốt nghiệp cao học luật của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hiện nay, việc nghiên cứu về tội phạm môi trường nói chung đã có một số bài viết và đề tài nghiên cứu của các nhà khoa học, như: Bài viết "*Lực lượng Công an nhân dân nâng cao trách nhiệm và hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường*" của Trung tướng Đặng Văn Hiếu, Thứ trưởng Bộ Công an (6/2007); Bài viết "*Công tác phòng, chống tội phạm về môi trường trong*

thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế" của TS. Đại tá, Nguyễn Xuân Lý, Cục trưởng Cục Cảnh sát môi trường (7/2007); Đề tài khoa học cấp Nhà nước "Những vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và giải pháp phòng, chống" do Thiếu tướng, GS.TS. Nguyễn Duy Hùng, Giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân (2006) làm chủ nhiệm; Đề tài Khoa học "Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc quy định trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về môi trường" do TS. Phạm Văn Lợi, Phó Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2003) làm chủ nhiệm;

Ngoài ra vấn đề các tội phạm về môi trường còn phần nào được đề cập trong các giáo trình luật hình sự của các trường đại học luật.

Tuy nhiên, có thể do mới được quy định hoặc do nhiều nguyên nhân khác nhau mà *tội vi phạm quy định về QLCTNH* vẫn chưa được các nhà nghiên cứu nghiên cứu một cách chuyên sâu và tính cho tới thời điểm hiện tại chưa có công trình nghiên cứu ở cấp độ luận văn thạc sĩ viết về đề tài này.

3. Mục đích, nhiệm vụ, phạm vi và đối tượng nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn nhằm làm rõ những vấn đề lý luận về tội vi phạm quy định về QLCTNH như khái niệm, đặc điểm của CTNH và QLCTNH đặc biệt là khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về QLCTNH; Luận văn chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của chúng để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp và kiến nghị hoàn thiện về các quy định trong BLHS để đảm bảo vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với tội phạm này, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này trên toàn quốc nói chung và trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Dựa trên những quan điểm, kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học hình sự về tội vi phạm quy định về QLCTNH, luận văn tổng hợp, phân tích và làm rõ một số khía cạnh về tội vi phạm quy định về QLCTNH như: Khái niệm của tội vi phạm quy định về QLCTNH; phân biệt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLCTNH với hành vi phạm tội vi phạm quy định về

QLCTNH và phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác về môi trường, nghiên cứu quy định về tội vi phạm quy định về QLCTNH tại một số quốc gia khác nhằm phân tích, đánh giá để học hỏi kinh nghiệm lập pháp;

- Nghiên cứu các quy định cụ thể về tội vi phạm quy định về QLCTNH trong BLHS hiện hành của Việt Nam từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá;

- Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định về tội vi phạm quy định về QLCTNH trên địa bàn thành phố Hà Nội để làm cơ sở chỉ ra những tồn tại, hạn chế qua việc áp dụng pháp luật và những nguyên nhân cơ bản của nó;

- Tổng hợp lại toàn bộ kết quả quá trình nghiên cứu và đề xuất những nội dung hoàn thiện các quy định của BLHS Việt Nam để có cơ sở xử lý TNHS đối với các hành vi vi phạm quy định về QLCTNH.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu: khái niệm, cơ sở lý luận và phân biệt với một số tội phạm về môi trường khác; quy định về tội vi phạm quy định về QLCTNH trong luật hình sự Việt Nam và ở một số nước trên thế giới; Thực trạng vi phạm quy định về QLCTNH và tình hình xử lý vi phạm các hành vi vi phạm quy định về QLCTNH trên địa bàn thành phố Hà Nội; những hạn chế, bất cập trong BLHS và đề xuất những nội dung cơ bản hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về tội này.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là toàn bộ các quy định hiện hành về CTNH và QLCTNH đặc biệt là quy định về tội vi phạm về QLCTNH trong BLHS Việt Nam năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Về phạm vi lãnh thổ, đề tài nghiên cứu tình hình xử lý hành vi vi phạm quy định về QLCTNH trên địa bàn Hà Nội trong giai đoạn 5 năm từ 2010 - 2014.

3.4. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là tội vi phạm quy định về QLCTNH và thực trạng vi phạm quy định về QLCTNH trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

Việc thực hiện đề tài được tiến hành trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin,

tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu... nhằm phân tích các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề cần nghiên cứu mà đề tài đặt ra.

5. Những điểm mới và đóng góp của luận văn

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về tội vi phạm quy định về QLCTNH được quy định trong luật hình sự Việt Nam;

- Chỉ ra được những vướng mắc, bất cập của các quy định hiện hành liên quan đến tội vi phạm quy định về QLCTNH trong việc áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Tổng hợp chi tiết những nguyên nhân chính gây khó khăn trong việc áp dụng quy định về tội vi phạm quy định về QLCTNH trên thực tế của BLHS Việt Nam hiện hành;

- Đề xuất những nội dung cơ bản hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về tội này.

- Ngoài ra, luận văn còn có thể làm tài liệu tham khảo cho những người nghiên cứu, học tập, những người làm công tác thực tiễn liên quan đến lĩnh vực này cũng như các độc giả khác có quan tâm.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng vi phạm và tình hình xử lý vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương 3: Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xử lý đối với tội phạm này.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Chất thải nguy hại và quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại

1.1.1 Khái niệm chất thải nguy hại

Sau một giai đoạn dài từ khi ban hành Luật BVMT năm 1993, phải đến năm 1999 thì chúng ta mới có quy định cụ thể về khái niệm CTNH và khái niệm này được quy định cụ thể tại Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg về ban hành quy chế QLCTNH. Khái niệm này được sửa đổi lần đầu tại Luật BVMT 2005, đến năm 2014, khái niệm này tiếp tục được sửa đổi và hoàn thiện hơn với cách diễn đạt rất ngắn gọn và súc tích tại khoản 13 Điều 3 Luật BVMT 2014. Theo đó *CTNH là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.*

1.1.2. Quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại

Theo khoản 3 Điều 3 Quy chế QLCTNH thì: "*Quản lý chất thải nguy hại là các hoạt động kiểm soát chất thải nguy hại trong suốt quá trình từ phát sinh đến thu gom, vận chuyển, quá cảnh, lưu giữ, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại*". Với quy định này, vấn đề phòng ngừa, giảm thiểu tác hại của CTNH chưa được đặt ra, đây cũng là thiếu sót chính trong Quy chế QLCTNH.

Trong Thông tư 12/2011/TT-BTNMT thì khái niệm QLCTNH được quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này như sau: *QLCTNH là các hoạt động liên quan đến việc phòng ngừa, giảm thiểu, phân định, phân loại, tái sử dụng trực tiếp, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý CTNH.*

1.2. Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trong Bộ luật hình sự Việt Nam

1.2.1 Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay về các tội phạm môi trường nói chung và tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại nói riêng

1.2.1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự năm 1985

Trong giai đoạn trước khi có BLHS năm 1985, do những nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan như hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của đất nước ta

khi vừa trải qua một thời gian dài của chiến tranh giành độc lập, điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn v.v... nên những quy định của pháp luật về BVMT khỏi sự ô nhiễm chưa được quan tâm, chú trọng nhiều.

1.2.1.2. Giai đoạn từ khi pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự năm 1985 đến khi Bộ luật hình sự năm được sửa đổi bổ sung năm 2009

Trong giai đoạn này, một số tội phạm về môi trường đã được quy định. Song, hành vi vi phạm quy định về QLCTNH chưa được BLHS quy định là tội phạm.

1.2.1.3. Giai đoạn từ sau khi sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 cho đến nay

BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung 2009 đã quy định 11 tội danh tại chương XVII: Các tội phạm về môi trường, trong số này có tội vi phạm quy định về QLCTNH. Đây là lần đầu tiên, hành vi vi phạm quy định về QLCTNH được quy định trong BLHS. Ở lần sửa đổi này, với việc quy định thành một danh mới thể hiện sự tiến bộ về mặt kỹ thuật lập pháp của các nhà làm luật, tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc trong việc xử lý các hành vi vi phạm về QLCTNH.

1.2.2. Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành

1.2.2.1. Khái niệm tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại

Tác giả đề xuất nội dung khái niệm của tội vi phạm quy định về QLCTNH như sau: *Tội vi phạm quy định về QLCTNH là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có trách nhiệm QLCTNH, có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quản lý và BVMT được luật hình sự bảo vệ khỏi sự ô nhiễm bằng hành vi vi phạm các hoạt động đúng đắn liên quan đến việc phòng ngừa, giảm thiểu, phân định, phân loại, tái sử dụng trực tiếp, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý CTNH đe dọa gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc đe dọa gây hậu quả nghiêm trọng khác.*

1.2.2.2. Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội vi phạm quy định về QLCTNH là các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực QLCTNH.

1.2.2.3. Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của tội phạm có các dấu hiệu sau:

* Dấu hiệu thứ nhất về mặt khách quan của tội vi phạm quy định về QLCTNH là hành vi nguy hiểm cho xã hội do tội phạm gây ra: người phạm tội thực hiện hành vi vi phạm quy định về QLCTNH được quy định trong các văn bản pháp luật chuyên ngành.

* Dấu hiệu thứ hai của mặt khách quan của tội phạm là hậu quả do hành vi nguy hiểm cho xã hội của tội phạm gây ra: gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác.

* Hành vi vi phạm các quy định về QLCTNH nêu trên gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác sẽ bị xử lý hình sự về tội này khi không thuộc trường hợp quy định tại Điều 182 của BLHS.

1.2.2.4. Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội này là chủ thể đặc biệt vì ngoài các các yếu tố bắt buộc đối với các chủ thể của tội phạm thông thường thì họ phải là những người có trách nhiệm trực tiếp trong việc QLCTNH hoặc là người chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, giám sát các công việc đó.

1.2.2.5. Mặt chủ quan của tội phạm

Đối với tội vi phạm quy định về QLCTNH, lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Động cơ và mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc.

1.2.2.6. Trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại

Điều 182a BLHS quy định ba loại hình phạt chính: phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 500 triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm, tù có thời hạn từ 6 tháng đến 10 năm. Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 150 triệu đồng khi không áp dụng là hình phạt chính, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm.

1.2.3. Phân biệt tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại và phân biệt tội này với một số tội phạm gây ô nhiễm môi trường khác trong Bộ luật hình sự Việt Nam

1.2.3.1. Phân biệt với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại

- Về chủ thể vi phạm: Chủ thể vi phạm của tội vi phạm quy định về QLCTNH là những người có trách nhiệm trực tiếp trong việc QLCTNH hoặc là người chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, giám sát các công việc đó. Chủ thể vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLCTNH là cá nhân, tổ chức trong nước và cá nhân, tổ chức nước ngoài (Điều 2, Nghị định số 179/2013/NĐ-CP).

- Về hành vi vi phạm: Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLCTNH rộng hơn so với hành vi vi phạm QLCTNH trong luật hình sự, chúng bao gồm các hành vi vi phạm quy định về QLCTNH có thể gây ô nhiễm môi trường như: các hành vi chôn lấp, đổ CTNH không đúng quy định về BVMT... và các hành vi vi phạm quy định về QLCTNH mang tính chất thủ tục hành chính như: không lập báo cáo QLCTNH định kỳ theo quy định, không sao gửi sổ đăng ký chủ nguồn thải... Trong khi đó, hành vi vi phạm quy định về QLCTNH trong luật hình sự chỉ bao gồm các hành vi vi phạm quy định về QLCTNH có thể gây ô nhiễm môi trường.

- Về hậu quả của hành vi vi phạm: Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLCTNH chưa gây hậu quả hoặc gây hậu quả là ô nhiễm môi trường. Trong khi đó, hậu quả của hành vi vi phạm luật hình sự về QLCTNH là phải gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác.

- Về thẩm quyền xử phạt: Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLCTNH thì có nhiều cơ quan và cá nhân có thẩm quyền xử phạt như: Cảnh sát biển, Công an cấp tỉnh, Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chánh thanh tra Sở TN&MT, Chánh thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đối với hành vi vi phạm quy định về QLCTNH trong luật hình sự thì thẩm quyền xử phạt chỉ do Tòa án quyết định.

1.2.3.2. Phân biệt với tội gây ô nhiễm môi trường

Theo dấu hiệu của mặt khách quan của tội vi phạm quy định về QLCTNH thì một trong những trường hợp loại trừ của tội phạm này là "nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 182 của Bộ luật này". Sự khác nhau giữa tội vi phạm quy định về QLCTNH với tội gây ô nhiễm môi trường thể hiện trên các phương diện sau:

- Về khách thể: Khách thể trực tiếp của tội vi phạm quy định về QLCTNH là các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực QLCTNH. Khách thể trực tiếp của tội gây ô nhiễm môi trường xâm hại đến sự bền vững và ổn định của những thành tố cơ bản của môi trường như không khí, đất và nguồn nước làm thay đổi môi trường, vi phạm tiêu chuẩn về môi trường.

- Về hành vi vi phạm: Hành vi của tội vi phạm quy định về QLCTNH là các hành vi phạm các quy định về QLCTNH. Hành vi vi phạm của tội gây ô nhiễm môi trường quy định hai nhóm hành vi, nhóm hành vi thải vào không khí, nguồn nước, đất các chất gây ô nhiễm môi trường và nhóm hành vi phát tán bức xạ, phóng xạ vượt quá quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải ở mức độ nghiêm trọng.

- Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội vi phạm quy định về QLCTNH là những người có trách nhiệm trực tiếp trong việc QLCTNH hoặc là người chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, giám sát các công việc đó. Chủ thể của tội gây ô nhiễm môi trường là chủ thể thường có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định.

1.2.3.3. Phân biệt với tội vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường

- Về khách thể: Khách thể trực tiếp của tội vi phạm quy định về QLCTNH là các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực QLCTNH. Khách thể trực tiếp của tội vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường xâm hại đến các quan hệ xã hội phát sinh trong việc phòng ngừa sự cố môi trường hoặc ứng phó với sự cố môi trường.

- Về hành vi vi phạm: Hành vi của tội vi phạm quy định về QLCTNH là các hành vi vi phạm các quy định về QLCTNH. Hành vi vi phạm của tội vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường quy định hai nhóm hành vi, đó là nhóm hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường và nhóm hành vi vi phạm quy định liên quan đến ứng phó sự cố môi trường.

- Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội vi phạm quy định về QLCTNH là những người có trách nhiệm trực tiếp trong việc QLCTNH hoặc là người chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, giám sát các công việc đó. Chủ thể của tội vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường là chủ thể thường, là bất kỳ người nào có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định.

- Lỗi: Tội vi phạm quy định về QLCTNH, người thực hiện tội phạm với lỗi cố ý thường là cố ý gián tiếp. Tội vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường, người thực hiện tội phạm với lỗi vô ý.

1.3. Kinh nghiệm lập pháp hình sự của một số quốc gia về tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại

1.3.1. Kinh nghiệm của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)

Trải qua các lần sửa đổi, bổ sung thì các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường nói chung và hành vi vi phạm quy định về QLCTNH nói riêng cũng đã được PLHS Trung Quốc quy định trong một mục riêng là Mục 6: Tội phá hoại tài nguyên môi trường thuộc Chương VI: Tội xâm phạm trật tự quản lý xã hội trong phần các tội phạm. Mục này quy định 9 điều luật từ Điều 338 đến Điều 346. Hành vi vi phạm quy định về QLCTNH được quy định trong Điều 338 của bộ luật này.

1.3.2. Kinh nghiệm của Cộng hòa liên bang Đức

BLHS của liên bang Đức cũng quy định các hành vi phạm pháp luật về BVMT vào một chương riêng biệt đó là Chương thứ 29: Các tội xâm phạm môi trường. Trong chương này BLHS liên bang Đức quy định 9 điều luật quy định về tội danh và 4 điều luật quy định mang tính chất quy chiếu. Hành vi vi phạm quy định về QLCTNH được quy định tại Điều 326 của bộ luật này.

1.3.3. Kinh nghiệm của Liên bang Nga

BLHS Liên bang Nga năm 1996 cũng có một chương riêng quy định về các tội phạm về môi trường. Đó là Chương 26 "Các tội phạm về sinh thái" quy định 17 tội phạm về môi trường khác nhau từ Điều 246 đến Điều 262. Trong đó Điều 247 tội vi phạm quy định về sử dụng các chất độc hại cho môi trường có nội dung tương đồng với tội vi phạm quy định về QLCTNH trong BLHS Việt Nam.

1.3.4. Kinh nghiệm của Cộng hòa Singapore

Theo pháp luật Singapore, việc quy định và áp dụng TNHS đối với các hành vi vi phạm pháp luật môi trường có đặc điểm sau:

- Hành vi vi phạm các quy định của pháp luật môi trường đến mức độ nào thì bị coi là tội phạm và hình phạt tương ứng cho từng hành vi được quy định ngay tại các luật về môi trường mà không quy định trong các văn bản pháp luật hình sự.

- Hầu hết các tội phạm trong lĩnh vực môi trường trong đó có tội phạm về vi phạm quy định QLCTNH được quy định dưới dạng cấu thành tội phạm hình thức.

- Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm môi trường nói chung trong đó có tội vi phạm quy định về QLCTNH không chỉ áp dụng đối với thể nhân mà còn áp dụng cả với pháp nhân.

Chương 2

THỰC TRẠNG VI PHẠM VÀ TÌNH HÌNH XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Một số đặc điểm về tình hình kinh tế, xã hội của Hà Nội có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường

2.1.1. Một số đặc điểm về diện tích, dân số

Thủ đô Hà Nội là một địa phương rộng về diện tích và lớn về quy mô dân số. Khối lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày trên địa bàn thành phố Hà Nội là vô cùng lớn. Trong đó, chất thải rắn công nghiệp phát sinh khoảng 1950 tấn/ngày với thành phần chủ yếu gồm cặn sơn, dung môi, bùn thải công nghiệp, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu thải v.v... Chất thải rắn y tế phát sinh khoảng 15 tấn/ngày với thành phần chủ yếu là bông băng, dụng cụ y tế nhiễm khuẩn.

2.1.2. Một số đặc điểm về tình hình kinh tế, xã hội của Hà Nội có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường và chất thải nguy hại

Hà Nội là địa phương luôn đứng trong nhóm các tỉnh, thành phố có tổng sản phẩm nội địa (GDP) cao nhất trên cả nước, cụ thể năm 2010, GDP đạt

245.749 tỷ đồng, GDP liên tục tăng trong các năm tiếp theo. Năm 2013, GDP đạt 451.215 tỷ đồng, sau 4 năm GDP tăng 1,83 lần. Trong các năm này, cơ cấu sản xuất công nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao từ 30,4% - 40,5%.

Cơ cấu chi cho sự nghiệp BVMT đạt 1,3% vào năm 2010 và tăng dần trong các năm 2011, 2012 và đạt 3,4% năm 2013 trong tổng cơ cấu chi ngân sách của địa phương. Trong khi đó, khoản thu thuế về môi trường chỉ đạt 1,2% vào năm 2010 và giảm dần trong các năm tiếp theo, năm 2013 chỉ đạt 0,8% trong tổng cơ cấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Có thể thấy cơ cấu thu, chi liên quan đến việc BVMT chiếm tỉ lệ khá nhỏ trên tổng cơ cấu thu, chi của địa phương.

2.2. Thực trạng vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hà Nội

Qua kiểm tra hoạt động của các KCN, CCN, các công ty vận chuyển, xử lý CTNH, các làng nghề và các doanh nghiệp nhập khẩu phế liệu để tái chế... nổi lên một số tình hình sau:

+ *Đối với các KCN, CCN*: Mới có 8/9 KCN và 6/36 CCN có hệ thống thu gom nước thải tập trung, số còn lại chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ *Lĩnh vực làng nghề*: Có khoảng 20 làng nghề gây ô nhiễm nghiêm trọng, chủ yếu tập trung ở địa bàn Hà Tây cũ

+ *Lĩnh vực vận chuyển, xử lý CTNH*: Tổng khối lượng CTNH mà các công ty này vận chuyển, xử lý trong 5 năm qua chỉ chiếm phần nhỏ tổng khối lượng phát sinh đã đăng ký.

+ *Lĩnh vực y tế, phóng xạ*: Với một số lượng lớn các bệnh viện và các cơ sở khám chữa bệnh nhưng chỉ có 2 bệnh viện được cấp phép xử lý CTNH là Bệnh viện 103 và Bệnh viện Sơn Tây, 14 bệnh viện được trang bị lò đốt rác thải y tế.

+ *Lĩnh vực khai thác nước ngầm và xử lý nước thải*: lượng bùn thải phát sinh mỗi năm hàng trăm tấn, hàm lượng Asen vượt trên 6 lần quy chuẩn CTNH xong vẫn chưa được quan tâm xử lý triệt để.

+ *Lĩnh vực Điện lực và Dầu biến thế thải*: mỗi năm phát sinh hàng chục tấn dầu biến thế thải là CTNH loại 2 sao (**). Chủ nguồn thải không chuyển giao cho đơn vị được cấp phép xử lý.

+ *Lĩnh vực giao thông vận tải, sửa chữa bảo dưỡng phương tiện thiết bị giao thông vận tải*: CTNH trong lĩnh vực này chủ yếu là dầu thải phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thiết bị giao thông vận tải.

+ *Lĩnh vực hóa chất*: CTNH trong lĩnh vực này chủ yếu là các vỏ thùng, bao bì đựng hóa chất, gang tay, giẻ lau dính hóa chất.

2.3. Thực tiễn xử lý hành vi vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.3.1. Thực tiễn xử lý vi phạm hành chính

2.3.1.1. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường nói chung

Trong những năm gần đây, tình hình vi phạm pháp luật về BVMT ở thủ đô Hà Nội diễn ra khá phức tạp và phổ biến, số lượng các vụ vi phạm năm sau đều cao hơn năm trước. Trên toàn quốc, số lượng năm 2014 tuy có giảm nhưng do năm 2014 là năm đầu tiên áp dụng Nghị định 179/2013/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 117/2009/NĐ-CP). Quy định tại các điểm n, o khoản 1 Điều 54 đã hạn chế thẩm quyền của Công an, Cảnh sát Môi trường trong việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT. Vì vậy mà số lượng xử lý vi phạm hành chính trong năm 2014 giảm là do sự thay đổi về thẩm quyền của lực lượng này.

Bảng 2.1: Tình hình xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT nói chung

Đơn vị: Vụ

Năm	2010	2011	2012	2013	2014
Toàn quốc	2436	3067	4720	10345	9899
Hà Nội	559	898	1709	2410	2870
Tỉ lệ	22.9%	29.3%	36.2%	23.2%	28.9%

Nguồn: Phòng cảnh sát điều tra các tội phạm về môi trường - Công an thành phố Hà Nội

2.3.1.2. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại

Theo quy định về chế độ báo cáo, thống kê của Bộ Công an thời điểm năm 2010, việc phân tách các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT chưa được thực hiện nên trong báo cáo tổng kết năm 2010 của Cục cảnh sát môi trường Bộ Công an chưa tách riêng số lượng các vụ vi phạm quy định về QLCTNH.

Thực tế cho thấy tình hình vi phạm quy định QLCTNH trên địa bàn thành phố Hà Nội đang diễn ra phổ biến và hết sức phức tạp. Số lượng các

vụ vi phạm năm sau luôn cao hơn năm trước. Từ năm 2010 đến năm 2013 số vụ vi phạm đã tăng lên 2,67 lần. Năm 2014, số liệu tuy có giảm nhưng do năm 2014 là năm đầu tiên áp dụng Nghị định 179/2013/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 117/2009/NĐ-CP). Vì vậy mà số lượng xử lý vi phạm hành chính trong năm 2014 giảm là do sự thay đổi về thẩm quyền của lực lượng này.

Bảng 2.2: Tình hình xử phạt hành chính trong lĩnh vực QLCTNH

Đơn vị: Vụ

Năm	2010	2011	2012	2013	2014
Toàn quốc		231	343	463	206
Hà Nội	36	45	65	96	31
Tỉ lệ		19,4%	18,9%	20,7%	15%

Nguồn: Phòng cảnh sát điều tra các tội phạm về môi trường - Công an thành phố Hà Nội

2.3.2. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử hành vi vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hà Nội và những vướng mắc, bất cập

Từ năm 2010 đến nay, trên cả nước có đúng 01 vụ vi phạm quy định về QLCTNH bị đề nghị khởi tố vào năm 2012 nhưng Viện kiểm sát cùng cấp đã không phê chuẩn đề nghị khởi tố vụ việc này. Trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2010 đến nay phòng PC 49 Công an thành phố Hà Nội chưa đề nghị khởi tố vụ vi phạm quy định về QLCTNH nào.

Qua tìm hiểu và trao đổi với các cơ quan chức năng, đặc biệt là qua trao đổi với cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về môi trường chúng tôi thấy rằng việc xử lý hình sự các hành vi vi phạm quy định về QLCTNH đang gặp phải những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc áp dụng BLHS như sau:

Thứ nhất, các nguyên nhân chính cho những hạn chế trong áp dụng BLHS được cho là nằm ngay trong cách tiếp cận và các quy định của BLHS.

Thứ hai, hạn chế trong việc quan niệm về chủ thể của tội phạm trong BLHS Việt Nam chỉ là cá nhân mà không bao gồm cả pháp nhân.

Thứ ba, lực lượng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường vẫn chưa được áp dụng đầy đủ các thẩm quyền và các biện pháp tố tụng theo quy định.

Chương 3

HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ ĐỐI VỚI TỘI PHẠM NÀY

3.1. Sự cần thiết và định hướng hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại

3.1.1. Sự cần thiết

Tình hình vi phạm về QLCTNH đang diễn ra phổ biến và nghiêm trọng, hậu quả của nó đối với môi trường là rất to lớn. Tuy nhiên, trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2010 đến nay các CQTTT chưa xử lý hình sự được bất cứ vụ vi phạm quy định về QLCTNH nào. Điều đó cho thấy, việc hoàn thiện hệ thống BLHS đối với các tội phạm gây ô nhiễm môi trường nói chung và đối với tội vi phạm quy định về QLCTNH nói riêng là rất cần thiết và cần được thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả.

3.1.2. Những định hướng hoàn thiện

* *Về cấu thành tội phạm*, theo tác giả, quan điểm của nhóm học giả kiến nghị nghiên cứu sửa đổi BLHS theo hướng quy định tội phạm có cấu thành hình thức mang tính khả thi và hợp lý hơn vì việc quy định hướng dẫn cụ thể hậu quả các hành vi gây ô nhiễm môi trường nói chung và vi phạm quy định về QLCTNH nói riêng như "gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng" hoặc "gây hậu quả rất nghiêm trọng" hoặc "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" là rất khó khăn, gây tốn kém kinh phí để xác định hậu quả.

Như vậy theo tác giả để xử lý hình sự hành vi vi phạm quy định về QLCTNH cần chia làm hai trường hợp:

- *Trường hợp thứ nhất*: Có hành vi vi phạm quy định về QLCTNH; để thoát ra môi trường CTNH vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành 1 số lượng hoặc 1 số lần nhất định sẽ bị truy cứu TNHS.

- *Trường hợp thứ hai*: Có hành vi vi phạm quy định về QLCTNH, đã bị xử lý hành chính hoặc bị nhắc nhở nhiều lần mà còn vi phạm thì sẽ bị truy cứu TNHS.

* *Về chủ thể của tội phạm*, đối với BLHS hiện hành thì TNHS chỉ được đặt ra đối với cá nhân, tuy nhiên với tình hình vi phạm pháp luật về BVMT nói chung và vi phạm quy định về QLCTNH nói riêng hiện nay thì chủ thể vi phạm lại phần lớn là các đơn vị, tổ chức có tư cách pháp nhân. Trong thời gian qua, vấn đề này được đề cập và thảo luận khá sôi nổi thu hút được sự quan tâm lớn của các nhà nghiên cứu. Hiện nay, có hai quan điểm:

Quan điểm thứ nhất: Những nhà nghiên cứu không ủng hộ việc quy định TNHS đối với pháp nhân:

Quan điểm thứ hai: Những nhà nghiên cứu ủng hộ việc quy định TNHS đối với pháp nhân.

Từ hai quan điểm trên đây, theo ý kiến riêng của tác giả thì tác giả ủng hộ quan điểm phải quy định TNHS của pháp nhân đối với các tội gây ô nhiễm môi trường nói chung và đối với tội vi phạm quy định về QLCTNH nói riêng, bởi lẽ:

Thứ nhất, xuất phát từ thực trạng vi phạm pháp luật về BVMT nói chung và vi phạm quy định về QLCTNH nói riêng hiện nay đang diễn ra phổ biến bởi các pháp nhân, vi phạm rất nhiều nhưng không có cơ chế để xử lý.

Thứ hai, nếu chỉ truy cứu TNHS đối với người đại diện, những người được ủy quyền hoặc những nhân viên thừa hành thực hiện hành vi phạm tội mà không truy cứu TNHS đối với pháp nhân thì sẽ bỏ lọt tội phạm, trái với nguyên tắc công bằng trong PLHS, không đảm bảo tính nghiêm minh, triệt để, truy cứu đến cùng trách nhiệm đối với hành vi phạm tội, làm cho Nhà nước bị hạn chế khả năng trấn áp và kiểm soát tình hình tội phạm.

Thứ ba: việc truy cứu TNHS đối với pháp nhân sẽ tạo ra được động lực nâng cao ý thức trong nội bộ của pháp nhân, nó đòi hỏi các pháp nhân phải có cơ chế tự nâng cao trách nhiệm quản lý, kiểm soát nội bộ đối với những cá nhân trong pháp nhân để loại trừ hoặc giảm thiểu tối đa các nguy cơ phạm tội một cách chủ động và hiệu quả, qua đó góp phần BVMT.

* *Về hình phạt*, cần sửa đổi quy định về khung hình phạt và mức hình phạt theo hướng tăng nặng thêm mức hình phạt tiền khi áp dụng là hình phạt chính để đồng bộ và hợp lý với mức xử phạt hành chính trong lĩnh vực

BVMT. Mặt khác, cần quy định lại mức hình phạt tù có thời hạn theo hướng nối tiếp nhau của các khung hình phạt để phân hóa rõ nét hơn TNHS, đảm bảo sự hợp lý của khung hình phạt.

3.2. Những nội dung cơ bản hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại

3.2.1. Về khái niệm tội phạm

Tác giả xin nêu ra quan điểm của mình về khái niệm tội vi phạm quy định về QLCTNH như sau: "*Tội vi phạm quy định về QLCTNH là tội phạm được quy định trong BLHS, do người có trách nhiệm QLCTNH, có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quản lý và BVMT được luật hình sự bảo vệ khỏi sự ô nhiễm bằng hành vi vi phạm các hoạt động đúng đắn liên quan đến việc phòng ngừa, giảm thiểu, phân định, phân loại, tái sử dụng trực tiếp, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý CTNH đe dọa gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc đe dọa gây hậu quả nghiêm trọng khác*".

3.2.2. Về dấu hiệu cấu thành tội phạm

Theo tác giả để xử lý hình sự hành vi vi phạm quy định về QLCTNH cần chia làm hai trường hợp có đủ các yếu tố dưới đây sẽ bị xử lý hình sự:

- *Trường hợp thứ nhất gồm hai dấu hiệu sau:* Có hành vi vi phạm quy định về QLCTNH; Để thoát ra môi trường CTNH vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành 1 số lượng hoặc 1 số lần nhất định.

- *Trường hợp thứ hai gồm hai dấu hiệu sau:* Có hành vi vi phạm quy định về QLCTNH; Đã bị xử lý hành chính hoặc bị nhắc nhở nhiều lần mà còn vi phạm.

3.2.3. Về chủ thể của tội phạm

Cần quy định TNHS đối với pháp nhân, để thực hiện điều này ta cần sửa đổi BLHS theo mô hình lý luận về TNHS của pháp nhân như sau: sửa đổi Điều 2 cơ sở của TNHS theo hướng quy định chủ thể tội phạm là pháp nhân, Điều 2 BLHS cần được sửa thành: "*Chỉ cá nhân hoặc pháp nhân là tổ chức kinh tế nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*"

Đồng thời, BLHS cần sửa đổi quy định về hình phạt theo hướng quy định các hình phạt đặc thù áp dụng với pháp nhân là tổ chức kinh tế phạm tội, theo chúng tôi quy định về hình phạt đối với pháp nhân là tổ chức kinh tế phạm tội cần được quy định thành một điều luật riêng với những hình phạt mang tính chất đặc thù.

3.2.4. Về các hình phạt áp dụng

* *Đối với cá nhân phạm tội*: các hình phạt chính có thể được lựa chọn áp dụng như: Phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn. Các hình phạt bổ sung có thể được áp dụng như: phạt tiền khi không áp dụng là hình phạt chính, cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề trong một thời gian nhất định.

* *Đối với pháp nhân là các tổ chức kinh tế phạm tội*: các hình phạt chính có thể được lựa chọn áp dụng như: Phạt tiền; Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tước quyền sử dụng giấy phép vĩnh viễn hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Các hình phạt bổ sung có thể được áp dụng như: Phạt tiền khi không áp dụng là hình phạt chính, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn.

3.3. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

3.3.1. Về các biện pháp ngăn chặn

Hiện tại Dự thảo pháp lệnh về cảnh sát môi trường đã được xây dựng và đã được Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ hai của năm 2014. Theo tác giả, pháp lệnh cảnh sát môi trường cần quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, hệ thống tổ chức, bảo đảm hoạt động và chế độ, chính sách đối với cảnh sát môi trường; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và chế độ, chính sách đối với tổ chức, cá nhân; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ... Việc ban hành Pháp lệnh cảnh sát môi trường là điều cần thiết để tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho lực lượng cảnh sát môi trường hoạt động với vai trò nòng cốt trong phòng, chống tội phạm về môi trường, đáp ứng yêu cầu BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3.3.2. Về yêu cầu đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng

Cần sửa đổi, quy định thêm về Cơ quan điều tra chuyên ngành về tội phạm môi trường. Đối với những người tiến hành tố tụng thì để xử lý tốt các

vụ việc liên quan đến môi trường thì yêu cầu đòi hỏi họ phải được đào tạo hoặc đào tạo lại một cách bài bản và chuyên sâu kiến thức về môi trường, phải được tập huấn thường xuyên về nghiệp vụ điều tra, truy tố, xét xử, qua đó mới có đủ năng lực, trình độ để giải quyết các vụ việc liên quan đến môi trường.

3.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử đối với tội này

3.4.1. Kiện toàn tổ chức, tăng cường năng lực áp dụng pháp luật của các cơ quan quản lý môi trường và cơ quan tư pháp

Đồng thời, trong thời gian tới chúng ta cũng cải cách tổ chức của các cơ quan tiến hành tố tụng với trọng tâm là sắp xếp lại Tòa án theo nguyên tắc hai cấp xét xử, tăng cường bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về môi trường, pháp luật về môi trường, đặc biệt các quy định về tội phạm môi trường cho các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trong thực tiễn hoạt động xét xử của tội phạm này.

Bên cạnh đó, nhà nước cần có chính sách cụ thể hơn đối với đội ngũ cán bộ tham gia phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm về môi trường.

3.4.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức của cộng đồng trong việc thực hiện pháp luật quản lý chất thải nguy hại

Phải đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nội dung của pháp luật QLCTNH nhằm mục đích nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của loại chất thải này đối với môi trường và đời sống cộng đồng, đặc biệt đối với người dân sống xung quanh vùng quy hoạch các công trình xử lý chất thải. Để đạt được điều đó, cần sử dụng triệt để các phương tiện thông tin đại chúng như: báo chí, truyền hình, băng rôn, khẩu hiệu... để đưa các thông tin về CTNH vào đời sống của quần chúng.

3.4.3. Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý chất thải nguy hại

Chúng ta cần tăng cường học hỏi kinh nghiệm QLCTNH mọi lúc, mọi nơi, cần mở rộng phạm vi học hỏi ra toàn thế giới. "Toàn cầu hóa" đang trở thành vấn đề nóng bỏng ở mọi quốc gia, lãnh thổ. Chúng ta không thể phủ nhận những lợi ích to lớn do xu thế này mang lại. Đặc biệt, trong hoàn cảnh Việt Nam vừa thiếu về tài chính, vừa yếu về kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý trong QLCTNH thì việc tham gia vào quá trình hợp tác quốc tế càng trở nên ý nghĩa. Các hoạt động đầu tư tài chính, trao đổi thông tin, chuyển giao công nghệ... giữa nước ta với các quốc gia trên thế giới sẽ giúp Việt Nam khắc phục được những yếu điểm trong lĩnh vực quản lý chất thải này.

KẾT LUẬN

Tóm lại, qua nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: "*Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại trong luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)*" cho phép chúng tôi đã rút ra một số kết luận chung sau đây:

1. Quản lý chất thải nguy hại có liên quan chặt chẽ đến vấn đề BVMT khỏi sự ô nhiễm. Vì thế nó luôn nhận được sự quan tâm của Nhà nước cũng như toàn xã hội. Với một địa bàn rộng, đông đúc về mật độ dân cư và có nhiều KCN, CCN phân bố gần khu dân cư, lại có số lượng lớn các doanh nghiệp có phát sinh CTNH cùng khối lượng CTNH phát sinh hàng ngày rất lớn như ở thủ đô Hà Nội, thì việc để xảy ra các hành vi vi phạm quy định về QLCTNH gây ô nhiễm sẽ gây hậu quả rất nặng nề đối với môi trường sinh thái cũng như cho sức khỏe và tính mạng của con người. Do đó, các quy định của BLHS phải đáp ứng được yêu cầu là phải xử lý tốt tội phạm này để đưa các hoạt động QLCTNH vào khuôn khổ là một yêu cầu cấp thiết.

2. Các tội phạm về môi trường đã được PLHS quy định từ lâu, Tuy nhiên, đến năm 2009 hành vi phạm quy định về QLCTNH mới được BLHS Việt Nam quy định là tội phạm.

3. Việc nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp của một số nước tiên bộ trên thế giới như Trung Quốc và Cộng hòa Liên bang Đức, Singapore.. cho thấy có một số điểm khác biệt và tiến bộ về chủ thể, về cấu thành tội phạm, về hình phạt và biện pháp khắc phục hậu quả cũng như về điều kiện miễn hình phạt. Đó là kinh nghiệm quý báu chúng ta cần nghiên cứu chọn lọc áp dụng.

4. Việc phân tích khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về QLCTNH cho phép chúng tôi có thấy rằng ngoài việc chưa nêu ra được khái niệm của tội này thì các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS về tội phạm môi trường nói chung và đối với tội này nói riêng hiện nay đang rất thiếu. Trong đó, các khái niệm cơ bản như "gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng..." chưa được quy định rõ trong luật. Bên cạnh đó, BLHS chỉ truy cứu TNHS đối với cá nhân vi phạm PLHS mà chưa quy định đối với pháp nhân.

5. Qua việc phân biệt hành vi phạm tội này với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLCTNH và với một số tội phạm gây ô nhiễm môi trường khác, chúng tôi cho rằng BLHS hiện hành quy định hành vi khách quan của tội này chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa vi phạm hành chính với vi phạm hình sự và cũng chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa tội phạm này với một số tội phạm gây ô nhiễm môi trường khác.

6. Qua việc nghiên cứu thực trạng vi phạm quy định về QLCTNH và thực tiễn xử lý vi phạm quy định về QLCTNH trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2010 đến năm 2014 luận văn đã chỉ ra một số tồn tại, hạn chế trong thực tiễn áp dụng BLHS đối với tội vi phạm quy định về QLCTNH như thiếu các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn áp dụng, chưa nghiên cứu áp dụng chế định TNHS đối với pháp nhân, quy định tội phạm có cấu thành vật chất, không quy định biện pháp bắt buộc khắc phục hậu quả là những hạn chế trong BLHS dẫn đến tình trạng xử lý vi phạm hành chính rất nhiều nhưng không truy cứu được về TNHS. Dẫn đến việc BLHS bị hạn chế khi áp dụng trong thực tiễn.

7. Trên cơ sở phân tích thực tiễn xử lý các hành vi vi phạm quy định về QLCTNH trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian nêu trên, có so sánh đối chiếu với số liệu trên toàn quốc, ngoài việc chỉ ra một số tồn tại, hạn chế trong thực tiễn áp dụng BLHS đối với tội phạm này, tác giả đã mạnh dạn đưa ra những nội dung cơ bản hoàn thiện các quy định của BLHS Việt Nam hiện hành như về khái niệm của tội này, về cấu thành tội phạm, về chủ thể của tội phạm và về hình phạt áp dụng. Ngoài ra tác giả còn mạnh dạn đưa ra những nội dung hoàn thiện các quy định của BLTTHS như về các biện pháp ngăn chặn, về yêu cầu đối với các CQTHTT và người tiến hành tố tụng để thuận tiện cho việc xử lý các tội phạm về môi trường nói chung và đối với tội này nói riêng.

Các nội dung hoàn thiện này có ý nghĩa rất quan trọng không những trên phương diện xã hội - pháp lý hình sự mà còn cả trên phương diện tội phạm học. Chúng nhằm mục đích phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả đối với các hành vi vi phạm quy định về QLCTNH ở nước ta, qua đó đảm bảo xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội đối với cá nhân và tổ chức vi phạm, đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, tránh làm oan người vô tội.